

RHETORICAL MEANS CREATING LAUGHTER IN FOLK SONGS OF THE SOUTH CENTRAL REGION

Phan Anh Nguyen

Phu Yen University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	08/12/2025	Figurative language devices such as exaggeration, personification, simile, contrast, and wordplay, which create humor, are frequently used in folk songs of the South Central region of Vietnam, reflecting the unique characteristics and culture of this area. Based on theories of humor and an examination of folk songs containing these devices, this study systematizes and focuses on analyzing the characteristics of these humorous rhetorical devices in South Central folk songs, comparing them with folk songs from other regions. The research results reveal the nuances of humor, aesthetic tendencies, and cultural characteristics of the South Central region. These include the rustic beauty, the connection to nature, the distinctive colors in cultural life, and the folk phonetics. This study contributes to affirming the value of folk songs from the South Central region and the beauty of the soul and the linguistic talent of the working people.
Revised:	31/12/2025	
Published:	31/12/2025	
KEYWORDS		
Laughter		
Rhetorical devices		
South Central Vietnam		
Folk songs		
Culture		

BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TU TỪ TẠO TIẾNG CƯỜI TRONG CA DAO NAM TRUNG BỘ

Phan Ánh Nguyễn

Trường Đại học Phú Yên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	08/12/2025	Những biện pháp nghệ thuật tu từ: phóng đại, nhân hóa, so sánh, tương phản và chơi chữ tạo tiếng cười thường được sử dụng trong ca dao Nam Trung Bộ chứa đựng nhiều nét đặc sắc và phản ánh văn hóa vùng đất Nam Trung Bộ. Trên cơ sở lý thuyết về tiếng cười và khảo sát các bài ca dao chứa biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười, bài nghiên cứu hệ thống hóa và tập trung phân tích đặc điểm của những biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ, so sánh với ca dao vùng miền khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy những sắc thái tiếng cười, khuynh hướng thẩm mỹ và văn hóa của vùng Nam Trung Bộ. Đó là bản sắc của nét đẹp mộc mạc, tâm thức gắn kết với tự nhiên, màu sắc riêng trong sinh hoạt văn hóa và ngữ âm dân gian. Bài nghiên cứu góp phần khẳng định giá trị của ca dao vùng Nam Trung Bộ và vẻ đẹp tâm hồn cũng như tài năng sử dụng ngôn từ của người dân lao động.
Ngày hoàn thiện:	31/12/2025	
Ngày đăng:	31/12/2025	
TỪ KHÓA		
Tiếng cười		
Biện pháp nghệ thuật tu từ		
Nam Trung Bộ		
Ca dao		
Văn hóa		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14196>

Email: anhnguyenphan88@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

490

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trải qua sự hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử, không chỉ mang theo những truyền thống văn hóa của vùng quê cha đất tổ, người dân lao động Nam Trung Bộ còn kiến tạo những giá trị văn hóa thể hiện bản sắc vùng miền. Trong đó, phải kể đến văn học dân gian. Trong kho tàng văn học dân gian Nam Trung Bộ, ca dao là thể loại phong phú nhất cả về số lượng lẫn chất lượng. Ca dao Nam Trung Bộ là phần lời của những bài hát dân gian tồn tại ở vùng đất Nam Trung Bộ - vùng đất mới của người Việt so với phía Bắc, trải dài từ Bắc đến Nam với 6 tỉnh thành: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Lâm Đồng. Ca dao là phương thức trữ tình, bộc lộ tâm tư, tình cảm của người dân lao động. Những lời ca tiếng hát đó còn phản ánh một cách chân thật nhất không gian lao động và đời sống thường nhật. Trong bối cảnh khai hoang vùng đất mới, tiếng cười của người dân lao động là điều rất thú vị và đã được lưu giữ trong kho tàng ca dao.

Từ những năm 1990, đã có nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu về tiếng cười trong ca dao nói chung như: Đào Thân, Đinh Gia Khánh, Triều Nguyên,... Năm 2010, với bài viết “Cơ chế tạo ra tiếng cười của mảng ca dao hài hước” [1], Triều Nguyên đã hệ thống hóa cơ chế tạo ra tiếng cười trên phương diện nội dung văn bản và hình thức văn bản. Có khá nhiều bài viết giới thiệu về ca dao – dân ca của một vùng đất nào đó cũng đã đề cập đến tính bông đùa, trào phúng. Có thể kể đến: “Hát ví đồng bằng Hà Bắc” [2], “Ca dao Đồng Tháp Mười” [3], “Kho tàng ca dao xứ Nghệ” [4], “Hò đối đáp nam nữ Thừa Thiên Huế” [5], “Diện mạo văn học dân gian Nam Bộ” [6], “Từ ngữ cổ Việt Nam trong các tuyển tập dân ca Nam Bộ xuất bản nửa đầu thế kỷ 20” [7], “Tính cách con người qua ca dao: trường hợp của Cần Thơ” [8],... Nghiên cứu tiếng cười trong ca dao vùng Nam Trung Bộ, năm 1994, Thạch Phương, Ngô Quang Hiến [9] đã chú ý đến tính trào lộng trong nội dung ca dao Nam Trung Bộ. Năm 2017, hai tác giả Nguyễn Thị Thu Trang và Phan Ánh Nguyễn đã đề cập đến “Tiếng cười trong ca dao Phú Yên” [10] và kết luận rằng trong ca dao Phú Yên, tiếng cười vừa thể hiện hiện thực cuộc sống, tính cách con người vừa là đặc điểm văn hóa vùng miền. Bài viết cũng xác định một số thủ pháp/nghệ thuật gây cười đặc trưng và khẳng định sức sống của văn học, văn hóa dân gian trong tâm hồn nhiều thế hệ. Năm 2024, chúng tôi đã hệ thống hóa những sắc thái của tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ [11].

Vấn đề tiếng cười trong ca dao vùng Nam Trung Bộ đã được quan tâm; tuy nhiên, chủ yếu nghiên cứu trên bình diện nội dung. Hệ thống hóa những nét đặc sắc của biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ, so sánh biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười của người Việt trong ca dao giữa các vùng miền từ đó làm nổi bật văn hóa vùng miền là khoảng trống nghiên cứu rất cần được bổ sung.

Theo định nghĩa trong “Từ điển tiếng Việt” do Hoàng Phê chủ biên, cười là “cử động môi hoặc miệng, có thể đồng thời phát thành tiếng, biểu lộ sự thích thú hoặc thái độ, tình cảm nào đó”, “tỏ ý chê bai bằng những lời có kèm theo tiếng cười hoặc có thể gây cười; chế nhạo” [12, tr. 22-23]. Khi nghiên cứu tiếng cười trong ca dao, trước hết cần xác định các nội dung gây cười. Chúng tôi cùng quan điểm với Đào Thân về tiếng cười trong “Ca dao hài hước”: “Những cái tức cười, những điều đáng cười, trong thực tế bao gồm trong ba loại yếu tố: a) Những sự trái ngược, tương phản, trái logic, oái ăm, trớ trêu của các sự việc, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội có liên quan đến con người; b) Những sự méo mó, lệch lạc và những sự nhầm lẫn, chòng chẹo vô lý trong các mối quan hệ, trật tự đã có; c) Những biểu hiện của sự khờ khạo, ngây ngô, ngốc nghếch của con người” [13, tr. 12-13]. Nghiên cứu các biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao vùng Nam Trung Bộ, chúng tôi tập trung khám phá đặc điểm của các biện pháp nghệ thuật gây cười thường được sử dụng bao gồm: phóng đại, tương phản, so sánh, nhân hóa, chơi chữ. Các tiêu chí để xác định các biện pháp nghệ thuật tu từ này bao gồm tiêu chí về nội dung, hình thức và chức năng.

Tiếng cười là một phần không thể thiếu trong cuộc sống và tiếng cười đi vào các sáng tác văn học nói chung đã mang lại nhiều giá trị thẩm mỹ. Khảo sát các công trình sưu tầm ca dao Nam Trung Bộ đã được xuất bản, bao gồm: “Ca dao Nam Trung Bộ” [6], “Tổng tập văn hóa văn nghệ

dân gian ca dao, dân ca đất Quảng” [14], “Ca dao Bình Định” [15], “Ca dao dân ca trên vùng đất Phú Yên” [16], “Thơ ca dân gian trữ tình trên vùng đất Khánh Hòa” [17], tổng số bài ca dao là 6443 bài. Loại bỏ 37 bài trùng lặp, chúng tôi khảo sát tiếng cười từ 6406 bài ca dao. Kết quả có 648/6406 bài ca dao thể hiện tiếng cười, chiếm tỷ lệ 10%. Đây là một tỷ lệ cần lưu ý về sự hiện hữu của tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ. Từ đây có thể hiểu hơn về đời sống văn hóa, về đẹp tâm hồn và tài năng của người bình dân. Nhấn mạnh tài năng của người Việt trong ca dao Nam Trung Bộ, Nguyễn Đình đã khẳng định: “Biết khai thác mặt mạnh của ngôn ngữ, sử dụng nó sáng tạo, linh hoạt, tỏ ra có tài tổ chức văn bản các lời ca. Đó là biểu hiện sự độc đáo” [18, tr. 67].

2. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê, phân loại để thống kê, phân loại các biện pháp nghệ thuật tu từ, sắc thái của tiếng cười nhằm tìm hiểu đặc điểm của các biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ. Phương pháp so sánh, đối chiếu được dùng để so sánh, đối chiếu biện pháp nghệ thuật tu từ gây cười trong ca dao Nam Trung Bộ và ca dao một số vùng miền khác; so sánh, đối chiếu biện pháp nghệ thuật tu từ gây cười trong ca dao với một số thể loại văn học dân gian khác. Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành trong vận dụng những kiến thức của ngành khác như lịch sử, xã hội, văn hóa,... khi phân tích tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ. Bên cạnh những phương pháp nghiên cứu trên, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng những thao tác quen thuộc trong nghiên cứu văn học như phân tích, tổng hợp,...

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tương phản

Tương phản là “phương thức dùng nghĩa trái ngược để chỉ một sự thật chứa đựng mâu thuẫn”, “trong văn chương, lối phản ngữ dùng để diễn đạt nghịch lý xã hội” [19, tr. 217-218]. Trong các biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười của ca dao Nam Trung Bộ, biện pháp tương phản và phóng đại được sử dụng với tần suất cao hơn nhiều so với các biện pháp nghệ thuật còn lại. Số lượng bài ca dao sử dụng biện pháp tương phản: 9% (57/648 bài). Tỷ lệ sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ còn lại như sau: biện pháp phóng đại: 8% (53/648 bài); biện pháp nhân hóa: 6% (36/648 bài), biện pháp so sánh: 5% (33/648 bài), biện pháp chơi chữ: 3% (20/648 bài). Số liệu thống kê đã cho thấy xu hướng khai thác các mặt đối lập của sự vật, hiện tượng và lối cường điệu hóa để dễ dàng tạo tiếng cười của người dân lao động. Điều này cũng bộc lộ cái nhìn sâu sắc, tư duy hóm hỉnh của người Nam Trung Bộ trước mọi vấn đề trong cuộc sống.

Trong ca dao Nam Trung Bộ, biện pháp phóng đại được sử dụng để tạo tiếng cười phê phán hoặc bông đùa. Số liệu thống kê trong Bảng 1 đã thể hiện một tần suất đáng chú ý của sắc thái phê phán – cao hơn so với sắc thái bông đùa. Qua đây, chúng tôi nhận thấy người dân Nam Trung Bộ không chỉ chú trọng sử dụng biện pháp tương phản để tạo ra tiếng cười giáo dục mà còn rất sắc sảo khi nhìn nhận các vấn đề của sự việc cần phê phán.

Bảng 1. Thống kê tần suất sắc thái tiếng cười của biện pháp tương phản trong ca dao chứa tiếng cười vùng Nam Trung Bộ

STT	Sắc thái tiếng cười	Số bài	Tỷ lệ (%)
1	Phê phán	33	58
2	Bông đùa	24	42
	Tổng cộng	57	100

Người dân lao động đã dụng ý đầy khéo léo khi sắp xếp các sự vật, hiện tượng đối lập song đôi nhằm khắc họa rõ nét vấn đề, đồng thời mở ra những nhận thức bất ngờ, thú vị. Từ đó, tiếng cười được bộc lộ theo nhiều cung bậc khác nhau. Những thói hư tật xấu, những vấn đề tiêu cực được vạch rõ bản chất, được nổi bật bằng biện pháp nghệ thuật tương phản. Từ đó, tiếng cười châm biếm vang lên và cũng thể hiện được sự đánh giá sâu sắc của người dân lao động:

*Làm thì chẳng muốn bằng ai
Ấn thì thứ nhất, thứ hai trong làng.*

Đáng chú ý, biện pháp tương phản không chỉ thường gặp trong tiếng cười phê phán, không nhằm làm nổi bật điều kịch côm mà chỉ làm nổi bật sự trái ngược để gây bất ngờ, tạo ra tiếng cười bông đùa, lạc quan:

*Da đen duyên lậm vào trong
Mấy người da trắng duyên bong ra ngoài*

Biện pháp nghệ thuật tương phản có mối quan hệ mật thiết với biện pháp nghệ thuật phóng đại trong cơ chế tạo ra tiếng cười đầy thú vị: cơ chế tương phản – phóng đại:

*Tôi nghèo không có quần thay,
Kẻ kêu gả cháu, người bày gả con*

Tiếng cười bật ra không chỉ từ lời nói quá về cái sự nghèo: *nghèo không có quần thay* mà còn hài hước khi nhân vật rơi vào tình thế đầy éo le – tình thế đòi hỏi có nhiều của cải: *kẻ kêu gả cháu, người bày gả con*.

Biện pháp tương phản tạo tiếng cười là một trong những biện pháp nghệ thuật tạo tiếng cười giòn giã nhất trong ca dao Nam Trung Bộ. Không chỉ vậy, biện pháp nghệ thuật này còn thể hiện cái nhìn thâm thúy của người dân lao động. Trên con đường mở đất về phía Nam của Tổ quốc, kiến tạo giang sơn là trọng trách hàng đầu và vô cùng khó khăn ở dải đất miền Trung đầy nắng, gió nhưng qua những biện pháp nghệ thuật tu từ trong ca dao, chúng tôi nhận thấy được sự nhìn nhận nhân sinh rất sâu sắc của người dân lao động. Điều đó góp phần khẳng định minh triết dân gian trong ca dao người Việt nói chung.

3.2. Phóng đại

Phóng đại “là phương thức cường điệu một mức độ, tính chất, đặc điểm nào đó của sự vật” [19, tr. 214]. Phóng đại trong ca dao giống truyện cười ở chỗ tô đậm sự việc, tâm lý, tâm trạng và khác truyện cười khi nó còn có thể phóng đại đường nét của đối tượng như cách mà tranh biếm họa đã vận dụng (ví dụ: *Con trai xóm Cầu đầu gối quá tai*). Tuy nhiên nếu chất liệu của tranh là chất lỏng (mực, sơn,...), chất rắn (chì, phấn,...),... thì chất liệu của ca dao là ngôn từ.

Với ca dao Nam Trung Bộ, thủ pháp phóng đại xuất hiện trong nhiều cung bậc tiếng cười. Kết quả khảo sát ở Bảng 2 đã thể hiện tiếng cười giao duyên từ biện pháp phóng đại chiếm hơn một nửa so với sắc thái tiếng cười bông đùa và phê phán.

Bảng 2. Thống kê tần suất sắc thái tiếng cười của biện pháp phóng đại trong ca dao chứa tiếng cười vùng Nam Trung Bộ

STT	Sắc thái tiếng cười	Số bài	Tỷ lệ (%)
1	Giao duyên	28	53
2	Phê phán	15	28
3	Bông đùa	10	19
	Tổng cộng	53	100

Khác với văn hóa miền Bắc, nơi có nhiều hội hè và đời sống kinh tế phát triển sớm, người bình dân sử dụng thủ pháp phóng đại tạo tiếng cười để tô đậm tinh thần con người trong những cuộc vui chơi thì Nam Trung Bộ không có những bài ca dao như thế. Người dân vùng đất này sử dụng biện pháp phóng đại để thể hiện tình cảm, sự trêu ghẹo hay phê phán. Như khi hướng tới trêu chọc một đối tượng nào đó, người dân Nam Trung Bộ đã dùng phóng đại để nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng, từ đó, tạo ra cái cười mua vui dí dỏm:

*Tối trời em dễ đếm sao
Mặt anh nhiều mụn chuốt bào sao tron.*

Khi phê phán, cười cợt những thói hư tật xấu, người dân Nam Trung Bộ cũng thậm xưng, đặc biệt là thậm xưng hậu quả của chúng:

*Khoai lang củ sượng củ trần
Ứng anh đánh bạc cời kỳ lân về trời*

Trong những tình huống đối đáp trên gheo, thách đố, thủ pháp phóng đại được khai thác triệt để tương ứng với chất kịch tính của tình huống:

*Sáng trăng quân tử đi chơi,
Đái một chỗ đái, lội bơi mà về.
Em đái chi đái dại, đái khờ,
Nhà cửa em trôi trước, bàn thờ em trôi sau!*

Thỏ lộ tình cảm thông qua tiếng cười từ cách nói thậm xưng là phương thức biểu đạt tình cảm dí dỏm của người dân lao động nói chung. Bản sắc văn hóa vùng miền cũng được thể hiện. Để nhấn mạnh tình cảm của mình, người dân Nam Bộ đã cường điệu:

*- Dao phay cặp cổ, máu đổ ào ào,
Chết thì anh chịu cũng nhào theo em.
- Mặc cho cha đánh mẹ treo,
Đứt dây rút xuống cũng theo chung tình*

Nếu lối cường điệu của người Nam Bộ hướng vào bản thân của người đang yêu thì người dân Nam Trung Bộ thường phóng đại thế giới tự nhiên, các sự vật:

*Ước gì biển hẹp như ao
Bắc cầu chiếc đũa mà trao ân tình*

Con người của vùng đất Nam Trung Bộ phóng đại đến mức nghịch lí nhằm diễn tả tình cảm sâu sắc song cũng rất kín đáo.

Thủ pháp phóng đại là thủ pháp được chú trọng sử dụng để tạo tiếng cười trong ca dao các vùng miền nói chung. Nhưng dùng phóng đại để tạo tiếng cười trong những lời hát gọi tên quân bài ở trò chơi bài chòi chỉ có ở vùng Nam Trung Bộ:

*Rủ nhau đi đánh bài chòi,
Để con nó khóc nó lòi rún ra
(Năm rún)*

Bài chòi là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian độc đáo của vùng Nam Trung Bộ. Người dân sẽ ngồi thành nhóm trong các chòi và dõi theo các lời hát, chờ đợi tên quân bài mà mình có. Những lời hát gắn liền với tên con bài được phóng đại để tạo tiếng cười, tạo không khí vui vẻ trong sinh hoạt cộng đồng. Trò chơi dân gian này đến hôm nay vẫn được duy trì như một nét đẹp của văn hóa cần được bảo tồn và phát huy.

3.3. Nhân hóa

Nhân hóa là biện pháp nghệ thuật mà “nhân dân mượn những vật vô tri để nói lên tâm sự mình, mượn những chim muông, cho nó tính người, và mượn cả một số cây để ví với người này người nọ” [20, tr. 43]. Trong ca dao cười của vùng Nam Trung Bộ, tỷ lệ các bài chứa biện pháp nhân hóa nhằm xây dựng thế giới tự nhiên sinh động, thú vị cao hơn tỷ lệ các bài sử dụng nhân hóa để gửi gắm vấn đề của con người. Kết quả thống kê ở Bảng 3 đã cho thấy sự quan tâm của người dân Nam Trung Bộ đối với môi trường thiên nhiên.

Bảng 3. Thống kê tần suất nhóm chủ đề của biện pháp nhân hóa trong ca dao chứa tiếng cười vùng Nam Trung Bộ

STT	Nhóm chủ đề	Số bài	Tỷ lệ (%)
1	Phản ánh nhân sinh	17	47
2	Khắc họa thế giới tự nhiên	19	53
	Tổng cộng	36	100

Để bộc lộ tình cảm, người dân lao động đã có rất nhiều cách thể hiện khác nhau đầy thú vị. Trong đó, lối nhân hóa loài vật để loài vật yêu cầu sự chấp nhận tình duyên đã tạo nên tiếng cười vừa tinh nghịch vừa gần gũi của người dân Gia Lai:

*Con chim điểu nó biểu con chim quỳnh,
Biểu to, biểu nhỏ, biểu mình ưng ta.*

Mượn loài vật để chuyển tải thông điệp của con người không chỉ là lối diễn đạt nghệ thuật của người bình dân Nam Trung Bộ mà còn là phương thức thú vị ở những vùng miền khác. Tuy nhiên, cách thức nhân hóa loài vật của vùng đất này còn mang nét thú vị riêng. Loài vật ở đây được nhân hóa gắn liền với ngữ âm dân gian: mang giọng nói địa phương, hòa nhập vào đời sống địa phương (chim quỳnh: chim huỳnh; biều: bảo; ung: cưới). Đây là nét đặc sắc chứa đựng văn hóa của vùng đất Nam Trung Bộ qua ca dao.

Người bình dân Nam Trung Bộ đã nhân hóa loài vật để chúng sinh động hơn, từ đó gửi gắm những vấn đề của con người. Cách vận dụng nghệ thuật nhân hóa này khiến một số bài ca dao gần với truyện ngụ ngôn:

*Nực cười cóc nọ leo thang,
Chìa vôi hút thuốc, hổ mang ăn trầu*

Người bình dân thường khoác cho thiên nhiên, loài vật hình hài, tính cách của con người để từ đó gửi gắm nhận thức của mình về những hiện tượng tự nhiên một cách thú vị. Như lời ca của người Khánh Hòa:

*Ngó ra ngoài biển mù mù
Thấy ba ông Táo đội dù nấu cơm.
Một ông xách chén đòi cơm
Hai ông ừ hự nôi cơm mới vẫn*

Bài ca dao này là dị bản của bài ca dao:

*Cái bóng đi chợ Cầu Càn
Thấy ba ông Bụt cời trôn nấu cơm,
Ông thì xới xới đơm đơm
Ông thì ừ hự nôi cơm không đầy*

Trong quá trình nghiên cứu ca dao, những trường hợp dị bản cần được chú ý để khai thác yếu tố văn hóa địa phương vì người dân lao động lưu truyền ca dao - dân ca thường lưu giữ và biến đổi cho phù hợp với hoàn cảnh sống cũng như tâm tư, tình cảm. Những yếu tố trong dị bản đã gợi mở đầy thú vị về văn hóa vùng Nam Trung Bộ. Hiện tượng tự nhiên được nhân hóa một cách thú vị, hài hước trong không gian ngoài biển mù mù là chi tiết đặc sắc chỉ có ở ca dao Nam Trung Bộ. Vì tâm thức hướng về biển luôn thường trực trong ca dao vùng đất này. Phía Đông của tất cả các tỉnh, thành khu vực duyên hải Nam Trung Bộ là biển. Biển mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống của con người nhưng thiên nhiên nơi đây cũng thường khắc nghiệt khiến cho đời sống mưu sinh của người dân Nam Trung Bộ thuở khai hoang lập ấp vô cùng khó khăn. Những điều đó càng làm nổi bật bản lĩnh của người Việt trên con đường Nam tiến khi họ có thể bông đùa, luôn giữ được sự kiên cường trước tự nhiên.

3.4. So sánh

So sánh là “phương thức diễn đạt tu từ khi đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác miễn là giữa hai sự vật có một nét tương đồng nào đó, để gợi ra hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mỹ trong nhận thức của người đọc, người nghe” [19, tr. 189]. So sánh giúp lời nói của con người nhiều sinh động hơn, đối tượng so sánh được làm rõ, nổi bật hơn và tùy vào hình ảnh, nội dung của cái được so sánh mà bài ca dao gợi lên những liên tưởng thú vị khác nhau cũng như tạo ra nhiều cái cười không giống nhau.

Đáng chú ý là để gợi được tiếng cười, hình ảnh được so sánh phải là những thứ gây được ấn tượng trực tiếp, đậm nét, gần gũi với đời sống. Những hình ảnh được so sánh xuất hiện trong các bài ca dao chứa tiếng cười của vùng Nam Trung Bộ đều là những hình ảnh về loài vật (sấu, rắn liu điu, ếch, chim,...), thực vật (trái mít, bông,...), đồ vật (hộp vàng, manh chiếu rách,...),... trong cuộc sống thường nhật, rất dễ liên tưởng và gợi nhiều sự hài hước bởi nó được đem ra để so sánh với đối tượng là con người. Từ những hình ảnh dân dã, thông qua sự liên tưởng và lời lẽ dí dỏm, người dân Nam Trung Bộ tạo ra những sắc thái tiếng cười khác nhau:

Đó là sắc thái phê phán:

*Chợ chiều nhiều khế ế chanh
Nhiều con gái lúa nên anh chàng ràng
Chàng ràng như ếch hai hang
Như chim hai ổ, như nàng hai nơi*

Bên cạnh cách sử dụng vật để so sánh, lối đối chiếu các sự việc cũng tạo được tiếng cười duyên dáng, ý nhị:

*Bữa ăn có cá có canh
Ăn chưa mát dạ bằng anh thấy nàng*

Những hình ảnh so sánh còn được kết cấu trong thể tương phản để đảo ngược tình thế. Có thể thấy các biện pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo tiếng cười không xuất hiện đơn lẻ mà dựa trên mối quan hệ giữa chúng cũng như tăng cường tính chất dí dỏm của tình huống. Tiếng cười giòn giã từ các bài ca dao như thế thể hiện rõ nét trí tuệ sắc sảo của người dân lao động:

*Thân em như thể hộp vàng,
Thân anh như manh chiếu rách bạn hàng bỏ quên.
Trăm lạy ông trời cho gió nổi lên,
Cho manh chiếu rách phát trên hộp vàng.*

Những hình ảnh so sánh cùng màu sắc biểu cảm có thể xuất hiện một loạt trong một bài ca dao để tô đậm ý trên chộc của người nói. Chẳng hạn khi ví von hình ảnh người con gái lỡ thì, người dân Đắk Lắk đã dùng chuỗi hình ảnh sau: mít mùa đông, vải đi tu, thúng lủng tròn, bát bẻ hai, thịt heo nưa, đòn gánh gãy hai, oáp đu cây.

Một trong những yếu tố truyền thống khi sử dụng hình ảnh được so sánh của ca dao nói chung là lựa chọn những hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong đời sống sinh hoạt và lao động của người dân. Khi so sánh và tạo tiếng cười, người dân vùng Nam Trung Bộ có xu hướng sử dụng nhiều sự vật, hiện tượng thuộc trường nghĩa là những đối tượng mang tính chất đời thường, đặc biệt là sắc thái dân dã, thô kệch:

*Trắng như bông lòng anh không chuông
Đen như cục than hãm làm ruộng khá thương*

Khác với ca dao Bình Trị Thiên, người dân gây cười khi sử dụng những hình ảnh đời thường và tô đậm sự đẹp đẽ:

*Anh gắp em như nem gắp rượu
Như bình ngọc liêu cảm đóa hoa tiên
Gái như em đây cũng ra tay chính thất gắp được trai hiền tài ba.*

Chất mộc mạc khi lựa chọn hình ảnh được so sánh của người dân Nam Trung Bộ thể hiện ở Bảng 4. Sự lựa chọn hình ảnh được so sánh không chỉ cho thấy sự đa dạng trong sự liên tưởng, cách thức diễn đạt mà còn bộc lộ quan niệm thẩm mỹ rất thú vị của người dân lao động.

Bảng 4. Thống kê tần suất sử dụng hình ảnh được so sánh trong ca dao chứa tiếng cười vùng Nam Trung Bộ

STT	Hình ảnh được so sánh	Số bài	Tỷ lệ (%)
1	Hình ảnh gần gũi	14	42
2	Hình ảnh thô kệch	19	58
	Tổng cộng	33	100

3.5. Chơi chữ

Chơi chữ là “phương thức dùng âm thanh, từ ngữ, hàm ý, để tạo ra lượng nghĩa mới bất ngờ, thú vị” [19, tr. 219]. Ca dao Nam Trung Bộ cũng mang đặc điểm của ca dao người Việt nói chung khi “hình thức chơi chữ thịnh hành trong lối hát đối đáp của nam nữ” [19, tr. 221]. Trong các phương thức chơi chữ, hiện tượng đồng âm được sử dụng với tần suất cao hơn nhiều so với nói lái, điệp âm và từ đồng nghĩa. Khi thường xuyên dùng lời ăn tiếng nói hàng ngày để gây cười, phương thức đồng âm còn nói lên chất dân dã, mộc mạc trong cách sử dụng ngôn từ và tính cách của người dân Nam Trung Bộ.

Bảng 5. Thống kê tần suất các phương thức chơi chữ trong ca dao chứa tiếng cười vùng Nam Trung Bộ

STT	Phương thức chơi chữ	Số bài	Tỷ lệ (%)
1	Từ đồng âm	13	65
2	Nói lái	3	15
3	Điệp âm	2	10
4	Từ đồng nghĩa	2	10
	Tổng cộng	20	100

Qua Bảng 5 cho thấy, hiện tượng sử dụng từ đồng âm để tạo ra tiếng cười thường xuất hiện trong các bài ca dao thách đố, yêu cầu đối phương ứng đối. Tiếng cười đầy trí tuệ khi tình huống đòi hỏi câu trả lời đi ngược tư duy logic, khác với điều thường gặp:

*Nữ: Em xin hỏi anh:
 Trong trăm thứ dầu
 Dầu nào không thấp?
 Trong trăm thứ bắp
 Bắp nào không rang
 Trong trăm thứ than
 Than nào không quạt
 Trong trăm thứ bạc
 Bạc nào không tiêu?
 (...)*

Có thể thấy chất hài hước được tô đậm trong mối quan hệ giữa hai sự vật, hiện tượng tuy cùng tên gọi nhưng tương quan đối lập: có – không. Ở đây, nghệ thuật chơi chữ đã được kết hợp với biện pháp tương phản, mở ra chiều sâu của trí tuệ và sự dí dỏm.

Sử dụng từ đồng nghĩa dựa trên mối quan hệ từ thuần Việt – từ Hán Việt để tạo tiếng cười còn thể hiện tài ứng biến rất thông minh của người bình dân:

*Con gà hấn mổ hột kê
 Con ngựa ăn gò mã, con rồng về Bình Long
 Núi Đông Dương, dê chạy giáp vòng
 Ngó về Long Hải, con cá nằm ngát ngư
 Trai nam nhọn mà đối đặng chừ chừ
 Em về em lạy mẫu từ rồi đi theo anh.
 Con diều nó đậu bông trang
 Con voi ăn núi Tượng, con rùa bò Đá Quy.
 Ngó lên cây lô ô, con quạ ngủ li bì
 Ngó về sông rạch, con tôm đi bạc hà
 Em về thưa mẹ cùng cha
 Qua đà đối đặng, em theo ta cho rồi.*

Trong cách thức chơi chữ của người dân Nam Trung Bộ, chúng tôi nhận thấy tư duy hóm hỉnh. Không chỉ vậy, ở những bài đố chữ, màu sắc bác học từ các nhà Nho không lẫn át chất dân dã của ca dao. Ca dao Nam Trung Bộ cũng không có những bài chơi chữ dựa trên lối chiết tự như trong ca dao Bắc Trung Bộ. Sự mộc mạc trong lời ca tiếng hát còn xuất phát từ bản chất giản dị, chân chất của người dân nơi đây.

Hiện tượng từ đồng âm gắn liền với yếu tố tục đã đem đến tiếng cười suồng sã, dân dã cho ca dao Nam Trung Bộ:

*Anh đi đâu lúc la, lúc lác,
 Quạt giắt sau lưng,
 Hay làng cử anh làm lý trưởng,
 Để “giữ rừng” cho em?
 - “Rừng em”, anh chẳng dám vô,
 Sợ phụ mẫu em cất giầu mã mỏ ở trong.*

Bên cạnh từ đồng âm, hiện tượng nói lái cũng dễ dàng mang đến tiếng cười trong những bài ca đối đáp và vang lên ngay khi người thách đố cất lời:

Con cá đối nằm trên cối đá

Con mèo cụt nằm mút đuôi kèo

Anh mà đối được nàng theo ngay bây giờ

Bài ca dao tạo tiếng cười ngay từ lời mở đầu có sử dụng nói lái và tiếng cười độc đáo hơn khi các địa phương vùng Nam Trung Bộ phát âm theo biến thể ngữ âm, không theo ngữ âm chuẩn đã được ghi chép lại đúng chính tả như trong văn bản. Nói lái gắn liền phương ngữ vùng Nam Trung Bộ đã tạo nên bản sắc ngữ âm dân gian cho vùng đất này, góp phần tạo nên sắc màu văn hóa dân gian đầy ấn tượng từ ca dao.

Qua phân tích các biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ, có thể thấy người dân lao động không chỉ hài hước trong cách nhìn sự vật, hiện tượng mà sử dụng ngôn từ một cách tự nhiên, khéo léo. Cách phối hợp các biện pháp nghệ thuật tu từ để tăng tính đặc sắc cho lời nói, đặc biệt trong những tình huống cần sự ứng biến nhanh chóng đã thể hiện tài năng và trí tuệ của người dân. Phóng đại, nhân hóa, tương phản, so sánh, chơi chữ,... là những biện pháp nghệ thuật thường được người bình dân sử dụng trong ca dao nói chung. Đối với trường hợp gây cười, các biện pháp nghệ thuật trên đã góp phần tạo nên các sắc thái tiếng cười khác nhau. Thông điệp từ tiếng cười trở nên ý nhị hơn.

4. Kết luận

Tiếng cười trong ca dao Nam Trung Bộ cũng như những cung bậc tình cảm khác trong ca dao nói chung đều hình thành một cách tự nhiên từ đời sống và tâm hồn phong phú của người dân lao động. Hình thành trên vùng đất mới của Tổ quốc, những bài ca dao chứa đựng tiếng cười vùng Nam Trung Bộ là minh chứng cho vẻ đẹp tâm hồn và tài năng của người dân lao động nơi đây. Trong bối cảnh mưu sinh còn nhiều khó nhọc, người Việt vùng Nam Trung Bộ đã sử dụng ngôn từ một cách khéo léo để tạo ra những điều thú vị của cuộc sống và làm giàu có cho đời sống tinh thần. Những cách thức sử dụng từ ngữ qua các biện pháp nghệ thuật như phóng đại, tương phản, so sánh, nhân hóa, chơi chữ đã làm nổi bật tài năng vận dụng ngôn từ của người dân và văn hóa vùng Nam Trung Bộ. Đồng thời, các biện pháp nghệ thuật tu từ tạo tiếng cười trong ca dao đã đem đến nhiều tác động thẩm mỹ cho người đọc. Tuy hình thành từ xa xưa song minh triết dân gian, tài năng sử dụng ngôn từ của người dân lao động trong ca dao là giá trị văn hóa dân gian còn mãi đến hôm nay. Trước những biến thiên nhanh chóng của xã hội hiện đại, hơn bao giờ hết, các lời ca dao cần được bảo tồn và phát huy. Hướng nghiên cứu phương thức tạo tiếng cười qua so sánh ca dao các vùng miền sẽ góp phần khẳng định giá trị của ca dao nói chung và đem lại những đóng góp thực tiễn rất cao trong giáo dục, du lịch, truyền thông,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] N. Trieu, "Mechanism of creating laughter of humorous folk songs," *Research and Development Magazine*, no. 1, pp. 17-28, 2010.
- [2] G. L. Ma and D. B. Nguyen, *Songs of the Ha Bac Plain*. Ha Bac Culture Publishing House, 1976.
- [3] V. T. Do, *Folk songs of Dong Thap Muoi*. Dong Thap Department of Culture and Information Publishing House, 1984.
- [4] V. G. Ninh, *Folk song treasury of Nghe An*, vol. 1. Nghe An: Nghe An Publishing House, 1996.
- [5] N. Trieu, *Male and female antiphonal singing in Thua Thien Hue*. Thuan Hoa Publishing House, 1997.
- [6] V. H. Nguyen, *Southern folk literature*, vol. 1 and 2. Hochiminh City: Young Publishing House, 2004.
- [7] P. Thach and Q. H. Ngo, *South Central Coast folk songs*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 1994.
- [8] M. T. G. La, "Ancient Vietnamese words in southern folk song collections publishes in the first half of the 20th century," *Dalat University Journal of Science*, vol. 12, no. 4, pp. 3-30, 2022.
- [9] T. L. Tang, "Human character through folk verses: The case of Can Tho city, Vietnam," *Edelweiss Applied Science and Technology*, vol. 9, no. 6, pp. 2272-2280, 2025.
- [10] T. T. T. Nguyen and A. N. Phan, "Laughter in Phu Yen folk songs," *Phu Yen University Science Journal*, no. 15, pp. 9-15, 2017.

-
- [11] A. N. Phan, "Laughter in folk songs of South Central Vietnam," *Journal of Science and Technology - The University of Danang*, vol. 22, no. 10, pp. 85-89, 2024.
- [12] N. Trieu, *Laughter from the treasury of Vietnamese folk songs*. Hue: Thuan Hoa Publishing House, 2009.
- [13] T. Dao, *Humorous folk songs*. Ha Noi: National Culture Publishing House, 1998.
- [14] H. V. Hoang and V. T. Bui, *Collection of folk culture and arts, folk songs and folk songs of Quang land*. Hanoi: Hanoi National University Publishing House, 2010.
- [15] T. Huynh, C. Nguyen, and D. P. Nguyen, *Binh Dinh folk songs*. Binh Dinh: Binh Dinh Department of Culture and Information Publishing House, 1993.
- [16] Department of Science, Technology and Environment of Phu Yen, *Folk songs in Phu Yen land*. Phu Yen: Publishing House of the Association of Folk Arts and Ethnic Culture of Phu Yen, 1996.
- [17] V. K. Tran, *Lyrical folk poetry in Khanh Hoa land*. Hanoi: National Culture Publishing House, 2011.
- [18] D. Nguyen, *Language and folk poetry of South Central Vietnam*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, 2022.
- [19] T. L. Dinh and T. H. Nguyen, *Vietnamese learning style*. Hai Phong: Educational Publishing House, 2001.
- [20] N. P. Vu, *Vietnamese proverbs, folk songs, and folk poetry*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2007.